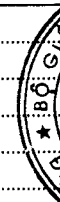


THỜI KHÓA BIỂU KHÓA TS 2013
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2016-2017 (DỰ KIẾN)

T T	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB			Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	T. Đầu	T. Cuối		
Nhóm 13-01											
1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-01	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3110332	Hàm biến phức	13-01	3	3	0	Năm	3	5	Nguyễn Thị Thùy Dương	
3	3110363	Hình học sơ cấp	13-01	2	2	0	Sáu	3	4	Tân Bình	
4	3111453	Phương pháp dạy học toán 2	13-01	2	1	1	Năm	1	2	Ngô Thị Bích Thủy	
5	3201442	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	13-01 13-04	2	2	0	Sáu	1	2	Trần Xuân Bách	
6	3110013	Bất đẳng thức	13-01	2	2	0	Tư	1	2	Nguyễn Duy Thái Sơn	
7	3110382	Hình vi phân	13-01	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Thị Thùy Dương	
8	3110543	Phương trình đạo hàm riêng	13-01	2	2	0	Ba	1	2	Nguyễn Duy Thái Sơn	
9	3111472	Phương pháp số thực hành	13-01	3	2	1	Ba	3	5	Nguyễn Hoàng Thành	
10	3111563	Tô pô đại số 2	13-01	3	3	0	Hai	3	5	Lê Hoàng Trí	
11	3201322	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	13-01 13-16	2	1	1	Hai	1	2	Nguyễn Thị Nguyệt	
Nhóm 13-03											
1	3110332	Hàm biến phức	13-03	3	3	0	Sáu	1	3	Nguyễn Thị Thùy Dương	
2	3111463	Phương pháp phần tử hữu hạn	13-03	2	2	0	Hai	1	2	Phạm Quý Mười	
3	3111503	Quy hoạch thực nghiệm	13-03	2	2	0	Ba	1	2	Lê Hải Trung	
4	3120142	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	13-03	3	2	1	Năm	1	3	Nguyễn Thanh Tuấn	
5	3120472	Thiết kế và lập trình web	13-03	3	2	1	Ba	3	5	Ngô Đình Thương	
6	3120642	Điện toán đám mây	13-03	3	2	1	Hai	3	5	Lê Văn Sơn	
7	3111383	Mô hình toán trong kinh tế	13-03	3	3	0	Tư	1	3	Lê Hải Trung	
Nhóm 13-04											
1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-04	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3120192	eLearning	13-04	3	2	1	Bảy	1	3	Ngô Đình Thương	
3	3120572	Truyền và bảo mật thông tin	13-04	3	2	1	Năm	1	3	Vũ Thị Trà	
4	3120703	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	13-04	2	1	1	Ba	1	2	Lê Viết Chung	
5	3201442	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	13-01 13-04	2	2	0	Sáu	1	2	Trần Xuân Bách	
6	3120562	Tri tuệ nhân tạo	13-04	3	2	1	Sáu	3	5	Trần Uyên Trang	
7	3120642	Điện toán đám mây	13-04	3	2	1	Tư	1	3	Lê Văn Sơn	
8	3120762	Lập trình di động	13-04	3	2	1	Ba	3	5	Hồ Ngọc Tú	
9	3120772	Lập trình mạng	13-04	3	2	1	Hai	3	5	Lê Văn Mỹ	
10	3120943	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	13-04	2	2	0	Hai	1	2	Lê Thành Công	
Nhóm 13-05											
1	3120142	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	13-05	3	2	1	Sáu	1	3	Nguyễn Thanh Tuấn	
2	3120762	Lập trình di động	13-05	3	2	1	Tư	1	3	Hồ Ngọc Tú	
3	3120842	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	13-05	3	2	1	Hai	3	5	Lê Thành Công	
4	3120453	Quản lý dự án phần mềm	13-05	2	2	0	Ba	4	5	Khoa Tin	
5	3120642	Điện toán đám mây	13-05	3	2	1	Năm	1	3	Lê Văn Sơn	
6	3120772	Lập trình mạng	13-05	3	2	1	Ba	1	3	Lê Văn Mỹ	
Nhóm 13-06											
1	3030052	Thực tập sư phạm 2 (tại trường THSPVT)	13-06	3	0	3				Khoa bố trí	
2	3130353	Phương pháp và công nghệ dạy học	13-06	2	2	0	Bảy	1	2	Lê Thanh Huy	
3	3130393	Thí nghiệm Vật lý phổ thông 2	13-06	1	0	1				Nguyễn Nhật Quang	



T T	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB			Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	T. Đầu	T. Cuối		
4	3201442	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	13-06	2	2	0	Sáu	3	4	Trần Xuân Bách	
5	3130293	Mạng viễn thông	13-06	2	2	0	Bảy	3	4	Nguyễn Văn Phòng	
6	3130403	Thí nghiệm Vật lý phổ thông 3	13-06	1	0	1				Nguyễn Nhật Quang	
7	3130412	Thiết bị và phương pháp phân tích quang phổ	13-06	2	2	0	Ba	1	2	Lê Văn Thanh Sơn	
8	3130732	Vật lý Laser	13-06	2	2	0	Tư	1	2	Trần Thị Hồng	
9	3130743	Vật lý linh kiện bán dẫn	13-06	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Thị Mỹ Đức	
10	3130762	Vật lý Nano	13-06	2	2	0	Ba	3	4	Nguyễn Văn Hiếu	
11	3130792	Vật lý phát quang	13-06	2	2	0	Hai	1	2	Lê Văn Thanh Sơn	
12	3130893	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học vật lý	13-06	2	1	1	Năm	3	4	Lê Thanh Huy	
Nhóm 13-07											
1	3130493	Thực tập chuyên đề 2	13-07	2	0	2	Hai	9	10	Lê Xứng	
2	3130513	Thực tập cơ sở 2	13-07	2	0	2				Lê Xứng	
3	3130762	Vật lý Nano	13-07	2	2	0	Bảy	1	2	Nguyễn Văn Hiếu	
4	3130792	Vật lý phát quang	13-07	2	2	0	Hai	3	4	Lê Văn Thanh Sơn	
5	3130872	Tin học ứng dụng trong vật lý	13-07	3	2	1	Năm	3	5	Nguyễn Nhật Quang	
6	3130032	Cấu trúc phổ phân tử	13-07	2	2	0	Tư	3	4	Trần Thị Hồng	
7	3130223	Kỹ thuật mạch điện tử 2	13-07	2	2	0	Ba	7	8	Nguyễn Quý Tuấn	
8	3130283	Lý thuyết nhóm và ứng dụng trong quang phổ	13-07	2	2	0	Sáu	1	2	Lê Văn Thanh Sơn	
9	3130412	Thiết bị và phương pháp phân tích quang phổ	13-07	2	2	0	Ba	3	4	Lê Văn Thanh Sơn	
10	3130753	Vật lý linh kiện và sensor	13-07	2	2	0	Bảy	3	4	Nguyễn Thị Mỹ Đức	
11	3130823	Xử lý số tín hiệu	13-07	2	2	0	Sáu	3	4	Nguyễn Thị Mỹ Đức	
Nhóm 13-08											
1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-08	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3140822	Phân tích công cụ	13-08	2	2	0	Tư	1	2	Bùi Xuân Vững	
3	3141182	Thực hành phân tích công cụ	13-08	1	0	1				Lê Thị Tuyết Anh	
4	3201442	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	13-08 13-23	2	2	0	Sáu	1	2	Đinh Xuân Lâm	
5	3140382	Hoá học các hợp chất cao phân tử	13-08	2	2	0	Năm	3	4	Phan Thảo Thơ	
6	3140463	Hoá học phân tích trong trường phổ thông	13-08	2	2	0	Bảy	1	2	Ngô Minh Đức	
7	3140472	Hoá học phức chất	13-08	2	2	0	Năm	1	2	Đinh Văn Tạc	
8	3140553	Hoá lý trong trường phổ thông	13-08	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Thị Lan Anh	
9	3141292	Tổng hợp hóa hữu cơ	13-08	2	2	0	Ba	3	4	Đỗ Thị Thúy Vân	
10	3141302	Tổng hợp hóa vô cơ	13-08	2	2	0	Ba	1	2	Ngô Thị Mỹ Bình	
11	3141523	Hoá học công nghệ	13-08	3	3	0	Hai	1	3	Ngô Thị Mỹ Bình	
Nhóm 13-09											
1	3140693	Kiểm nghiệm và phân tích thực phẩm	13-09	2	2	0	Hai	9	10	Trần Thị Ngọc Bích	
2	3140852	Phân tích hữu cơ	13-09	2	2	0	Bảy	3	4	Võ Kim Thành	
3	3140873	Phân tích silicat	13-09	2	2	0	Năm	3	4	Đinh Văn Tạc	
4	3141192	Thực hành phân tích môi trường	13-09	2	0	2				Nguyễn Đình Chương	
5	3141353	Xử lý nước thải	13-09	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Thị Hường	
6	3141583	Kỹ thuật phân tích môi trường cơ sở lọc hóa dầu	13-09	2	2	0	Sáu	1	2	Khoa Hóa	
7	3152332	Đánh giá tác động môi trường	13-09	2	2	0	Ba	1	2	Khoa Sinh - MT	
8	3140382	Hoá học các hợp chất cao phân tử	13-09	2	2	0	Bảy	1	2	Phan Thảo Thơ	
9	3140472	Hoá học phức chất	13-09	2	2	0	Ba	3	4	Đinh Văn Tạc	
10	3140732	Kỹ thuật phân tích, kiểm định dược phẩm	13-09	2	2	0	Sáu	3	4	Trần Thị Diệu My	
11	3141302	Tổng hợp hóa vô cơ	13-09	2	2	0	Hai	4	5	Ngô Thị Mỹ Bình	
12	3141672	Quản lý dự án môi trường	13-09	2	2	0				Khoa Hóa	
Nhóm 13-10											
1	3140133	Cơ sở kỹ thuật bảo chế	13-10	2	2	0				Phạm Văn Vượng (TG)	
2	3140732	Kỹ thuật nhận tích, kiểm định dược phẩm	13-10	2	2	0	Hai	3	4	Trần Thị Diệu My	

T	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB			Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	T. Đầu	T. Cuối		
3	3141083	Thí nghiệm chuyên ngành	13-10	2	0	2				Nguyễn Văn Dìn	
4	3141493	Hoá được 3	13-10	2	2	0	Tư	1	2	Đỗ Thị Thủy Vân	
5	3141703	Tổng hợp sinh học các hợp chất hữu cơ	13-10	2	2	0	Ba	1	2	Nguyễn Bá Trung	
6	3140082	Các phương pháp phổ ứng dụng vào Hoá học	13-10	2	2	0	Sáu	1	2	Nguyễn Trần Nguyên	
7	3140363	Hóa được và thuốc chữa bệnh	13-10	2	2	0	Năm	1	2	Đỗ Thị Thủy Vân	
8	3140382	Hoá học các hợp chất cao phân tử	13-10	2	2	0	Ba	3	4	Phan Thảo Thơ	
9	3140472	Hoá học phức chất	13-10	2	2	0	Hai	1	2	Đinh Văn Tạc	
10	3140623	Hương liệu và mỹ phẩm	13-10	2	2	0	Tư	3	4	Bùi Ngọc Phương Châu	
Nhóm 13-11											
1	3140803	Nước thải và xử lý nước thải	13-11	2	2	0	Năm	3	4	Nguyễn Thị Hương	
2	3141073	Suy thoái và bảo vệ đất	13-11	2	2	0	Hai	3	4	Đinh Văn Tạc	
3	3141373	Xử lý khí thải và tiếng ồn	13-11	2	2	0	Bảy	1	2	Khoa Hóa	
4	3141662	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	13-11	2	2	0	Sáu	3	4	Khoa Hóa	
5	3152502	Luật và chính sách môi trường	13-11	2	2	0	Ba	9	10	Hoàng Hải (TG)	
6	3152622	Quản lý môi trường khu công nghiệp và đô thị	13-11	2	2	0	Hai	9	10	Phùng Khánh Chuyên	
7	3191882	Kinh tế môi trường	13-11	2	2	0	Tư	3	4	Khoa Hóa	
8	3140113	Chuyên đề về thành phố môi trường	13-11	2	2	0	Ba	3	4	Ngô Thị Mỹ Bình	
9	3140472	Hoá học phức chất	13-11	2	2	0	Hai	7	8	Đinh Văn Tạc	
10	3140993	Quản lý môi trường công – nông nghiệp	13-11	2	2	0					
11	3141013	Quản lý môi trường địa phương	13-11	2	2	0	Ba	7	8	Nguyễn Đình Chương	
12	3141653	Quản lý biển đảo	13-11	2	2	0	Năm	1	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	
Nhóm 13-12											
1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-12	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3150362	Môi trường và sức khỏe	13-12	2	2	0	Bảy	1	2	Đoạn Chí Cường	
3	3152833	Tổ chức dạy học theo hướng tích cực	13-12	2	1	1	Tư	3	4	Trương Thị Thanh Mai	
4	3201442	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	13-12 13-19	2	2	0	Sáu	3	4	Đinh Xuân Lâm	
5	3150023	Bảo vệ thực vật và lâm sinh	13-12	2	2	0	Hai	1	2	Đỗ Thị Trường	
6	3151253	Trồng trọt đại cương	13-12	2	2	0	Năm	3	4	Nguyễn Minh Lý	
7	3151273	Chăn nuôi - Thủy sản đại cương	13-12	2	2	0	Bảy	3	4	Nguyễn Thị Tường Vi	
8	3151912	Miền dịch học	13-12	2	2	0	Ba	3	4	Khoa Sinh - MT	
9	3152303	Cơ sở chọn giống động vật và thực vật	13-12	2	2	0	Hai	3	4	Nguyễn Minh Lý	
10	3152402	Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường	13-12	2	2	0	Hai	7	8	Chu Mạnh Trinh (TG)	
11	3152523	Phương pháp dạy học môn công nghệ (Lớp 10)	13-12	2	1	1	Ba	7	8	Đỗ Thị Trường	
12	3152793	Sinh lý học dinh dưỡng	13-12	2	2	0	Tư	1	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	
13	3152823	Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong dạy học sinh học	13-12	2	2	0	Hai	9	10	Kiều Thị Kính	
14	3152853	Thí nghiệm thực hành sinh học ở trường phổ thông	13-12	2	1	1				Trương Thị Thanh Mai	
Nhóm 13-14											
1	3150062	Công nghệ môi trường	13-14	2	2	0	Tư	7	8	Trần Minh Thảo (CDCN)	
2	3152283	Vĩ sinh vật đại cương	13-14	1	0	1	Hai	7	8	Đỗ Thu Hà	
3	3152863	Thực hành công nghệ môi trường	13-14	1	0	1				Trần Ngọc Sơn	
4	3151023	Quản lý môi trường biển và ven biển	13-14	2	2	0	Ba	9	10	Chu Mạnh Trinh (TG)	
5	3152363	Đồ án môn học (tự chọn bắt buộc đối với sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp)	13-14	4	0	4	Bảy	1	4	Khoa Sinh - MT	
6	3152583	Quản lý cấp thoát nước đô thị	13-14	2	2	0	Sáu	1	2	Khoa Sinh - MT	
7	3152593	Quản lý HST đất ngập nước	13-14	2	2	0	Sáu	3	4	Đoàn Thanh Phương	
8	3152622	Quản lý môi trường khu công nghiệp và đô thị	13-14	2	2	0	Ba	7	8	Phùng Khánh Chuyên	
9	3152633	Quản lý môi trường nông thôn	13-14	2	2	0	Tư	1	2	Khoa Sinh - MT	
10	3152653	Quản lý nhà nước về khoáng sản và địa chất	13-14	2	2	0	Ba	1	2	Đậu Thị Hòa	
11	3152693	Quản lý và bảo vệ tài nguyên nước	13-14	2	2	0	Tư	3	4	Đoàn Thanh Phương	
12	3152703	Quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng	13-14	2	2	0	Năm	3	4	Nguyễn Thị Kim Thoa	

T T	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB			Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	T. Đầu	T. Cuối		
13	3152713	Quản lý và kiểm soát ô nhiễm không khí	13-14	2	2	0	Hai	3	4	Khoa Sinh - MT	
14	3191902	Quy hoạch sử dụng đất	13-14	2	2	0	Ba	3	4	Lê Ngọc Hành	
Nhóm 13-15											
1	3151713	Công nghệ chế biến và bảo quản sau thu hoạch	13-15	2	2	0	Bảy	1	2	Phạm Thị Mỹ	
2	3151733	Công nghệ sinh học dược liệu	13-15	2	2	0	Hai	9	10	Võ Châu Tuấn	
3	3151763	Công nghệ sinh học tảo trong sản xuất nhiên liệu	13-15	2	2	0	Hai	1	2	Đoạn Chí Cường	
4	3151773	Công nghệ thực vật xử lý môi trường	13-15	2	2	0	Bảy	3	4	Võ Văn Minh	
5	3151793	Công nghệ vi sinh vật xử lý môi trường	13-15	2	2	0	Năm	3	4	Đoàn Thị Vân	
6	3151863	Giám sát môi trường bằng sinh vật chỉ thị	13-15	2	2	0	Ba	3	4	Nguyễn Văn Khánh	
7	3151883	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	13-15	2	2	0	Hai	7	8	Võ Kim Thành	
8	3151963	Sinh học và kỹ thuật trồng nấm	13-15	2	2	0	Ba	1	2	Nguyễn Thị Bích Hằng	
9	3152023	Thực hành công nghệ chế biến và bảo quản sau thu hoạch	13-15	2	0	2				Phạm Thị Mỹ	
10	3152043	Thực hành công nghệ sinh học dược liệu	13-15	2	0	2				Khoa Sinh - MT	
11	3152063	Thực hành công nghệ sinh học tảo trong sản xuất nhiên liệu	13-15	2	0	2				Đoạn Chí Cường	
12	3152073	Thực hành công nghệ thực vật xử lý môi trường	13-15	2	0	2				Đàm Minh Anh	
13	3152093	Thực hành công nghệ vi sinh vật xử lý môi trường	13-15	2	0	2				Lê Thị Mai	
14	3152103	Thực hành giám sát môi trường bằng sinh vật chỉ thị	13-15	2	0	2				Trần Ngọc Sơn	
15	3152123	Thực hành hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	13-15	2	0	2				Đàm Minh Anh	
16	3152173	Thực hành sinh học và kỹ thuật trồng nấm	13-15	2	0	2				Nguyễn Thị Bích Hằng	
17	3152343	Đồ án môn học (tự chọn bắt buộc đối với sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp)	13-15	4	0	4				Khoa Sinh - MT	
18	3152353	Đồ án môn học (tự chọn bắt buộc đối với sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp)	13-15	4	0	4				Khoa Sinh - MT	
Nhóm 13-16											
1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-16	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3160063	Chuyên đề Lịch sử Đảng CSVN	13-16	2	2	0	Sáu	3	4	Ngô Văn Hà	
3	3161383	Chuyên đề Lý luận về NNPQ và vấn đề xây dựng NNPQ XHCN ở Việt Nam	13-16	2	2	0	Ba	1	2	Dương Đình Tùng	
4	3161393	Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh	13-16	2	2	0	Tư	1	2	Lê Căn Tĩnh	
5	3161563	Phương pháp dạy học Giáo dục công dân 2	13-16	2	1	1	Tư	3	4	Đinh Thị Phương	
6	3161583	Phương pháp giáo dục giá trị và kỹ năng sống	13-16	2	1	1	Ba	3	4	Tạ Văn Viễn	
7	3201442	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	13-16 13-26	2	2	0	Hai	3	4	Đinh Xuân Lâm	
8	3160403	Tôn giáo học	13-16	2	2	0	Sáu	1	2	Lê Đức Tâm	
9	3161253	Công tác tư tưởng và công tác thanh vận của Đảng	13-16	2	2	0				Khoa GDCT	
10	3161693	Một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại	13-16	2	2	0	Năm	1	2	Trịnh Sơn Hoan	
11	3201322	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	13-01 13-16	2	1	1	Hai	1	2	Nguyễn Thị Nguyệt	
Nhóm 13-19											
1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-19	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3170232	Chữ Nôm	13-19	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Hoàng Thân	
3	3172092	Văn học Nga	13-19	2	2	0	Bảy	3	4	Nguyễn Khắc Sinh	
4	3201442	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	13-12 13-19	2	2	0	Sáu	3	4	Đinh Xuân Lâm	
5	3170922	Ngôn ngữ và văn hóa	13-19	2	2	0	Hai	1	2	Lê Đức Luận	
6	3170982	Ngữ pháp chức năng	13-19	2	2	0	Bảy	1	2	Trần Văn Sáng	
7	3171442	Tác gia văn học trung đại Việt Nam	13-19	2	2	0	Hai	3	4	Nguyễn Phong Nam	
8	3172583	Phương pháp dạy học văn học Việt Nam hiện đại	13-19	2	1	1	Hai	7	8	Lê Thị Thanh Tịnh	

T T	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB			Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	T. Đầu	T. Cuối		
9	3172593	Phương pháp dạy học văn học Việt Nam trung đại	13-19	2	1	1	Năm	3	4	Nguyễn Quang Huy	
10	3172722	Thơ Việt Nam hiện đại	13-19	2	2	0	Ba	3	4	Ngô Minh Hiền	
11	3172912	Văn học Mỹ	13-19	2	2	0	Tư	1	2	Nguyễn Phương Khánh	
12	3172922	Văn học Mỹ Latinh	13-19	2	2	0	Ba	1	2	Nguyễn Phương Khánh	
13	3172952	Văn xuôi Việt Nam hiện đại	13-19	2	2	0	Năm	1	2	Ngô Minh Hiền	
Nhóm 13-20											
1	3171442	Tác gia văn học trung đại Việt Nam	13-20	2	2	0	Bảy	1	2	Nguyễn Phong Nam	
2	3172092	Văn học Nga	13-20	2	2	0	Hai	7	8	Nguyễn Khắc Sinh	
3	3172722	Thơ Việt Nam hiện đại	13-20	2	2	0	Hai	1	2	Ngô Minh Hiền	
4	3172922	Văn học Mỹ Latinh	13-20	2	2	0	Ba	3	4	Nguyễn Phương Khánh	
5	3172952	Văn xuôi Việt Nam hiện đại	13-20	2	2	0	Năm	3	4	Ngô Minh Hiền	
6	3170112	Biên tập sách báo	13-20	2	2	0	Hai	3	4	Phạm Thị Hương	
7	3170572	Ký văn học - ký báo chí	13-20	2	2	0	Sáu	3	4	Bùi Bích Hạnh	
8	3171722	Tư sự học	13-20	2	2	0	Bảy	3	4	Phạm Thị Thu Hương	
9	3171752	Văn bản – lưu trữ	13-20	2	2	0	Tư	3	4	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	
10	3172553	Một số vấn đề văn học Việt Nam hải ngoại	13-20	2	2	0	Tư	1	2	Ngô Minh Hiền	
11	3172753	Văn bản dịch Hán Nôm trong sách giáo khoa phổ thông	13-20	2	2	0	Sáu	1	2	Nguyễn Hoàng Thân	
Nhóm 13-21											
1	3170793	Lý luận văn hóa	13-21	2	2	0	Sáu	3	4	Phạm Thị Tú Trinh	
2	3171343	Quản lý - khai thác di sản văn hoá	13-21	2	2	0	Hai	1	2	Khoa Ngữ văn	
3	3171703	Tổ chức hoạt động Nhà văn hóa	13-21	2	2	0	Năm	1	2	Khoa Ngữ văn	
4	3171803	Văn hóa cư trú Việt Nam	13-21	2	2	0	Ba	1	2	Khoa Ngữ văn	
5	3172802	Văn hóa du lịch	13-21	2	2	0	Năm	3	4	Phạm Thị Tú Trinh	
6	3172853	Văn hoá Nga	13-21	2	2	0	Bảy	3	4	Dương Quốc Cường	
7	3170083	Bảo tàng học	13-21	2	2	0	Hai	3	4	Hoàng Thị Mai Sa	
8	3170093	Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa	13-21	2	2	0	Sáu	1	2	Khoa Ngữ văn	
9	3171752	Văn bản – lưu trữ	13-21	2	2	0	Bảy	1	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	
10	3171883	Văn hóa Phật giáo Việt Nam	13-21	2	2	0	Hai	7	8	Nguyễn Ngọc Chinh (MG)	
11	3172813	Văn hóa đô thị	13-21	2	2	0	Ba	3	4	Phạm Thị Tú Trinh	
12	3172843	Văn hoá Mỹ - Mỹ La tinh	13-21	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Phương Khánh	
Nhóm 13-22											
1	3170112	Biên tập sách báo	13-22	2	2	0	Tư	1	2	Phạm Thị Hương	
2	3170613	Lao động nhà báo	13-22	2	2	0				Khoa Ngữ văn	
3	3170783	Lý luận và thực hành ảnh	13-22	3	2	1	Hai	7	9	Trần Thị Ngọc Hà	
4	3171373	Quảng cáo và kinh doanh báo chí	13-22	2	2	0				Khoa Ngữ văn	
5	3172393	Tổ chức và vận hành cơ quan báo chí	13-22	1	1	0				Nguyễn Thị Thúy Hồng(TG)	
6	3170322	Đại cương thi pháp học	13-22	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Phong Nam	
7	3170922	Ngôn ngữ và văn hóa	13-22	2	2	0	Hai	3	4	Lê Đức Luận	
8	3170972	Ngữ dụng học	13-22	2	2	0	Sáu	1	2	Nguyễn Thị Trúc	
9	3171083	Phim tài liệu và kỹ sư truyền hình	13-22	2	1	1	Bảy	3	4	Trần Thị Ngọc Hà	
10	3171493	Tâm lý học báo chí	13-22	2	2	0	Bảy	1	2	Phạm Thị Thu Hà (N.Văn)	
11	3172672	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	13-22	2	2	0	Sáu	3	4	Phạm Thị Thu Hương	
Nhóm 13-23											
1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-23	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3181063	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường THPT	13-23	2	1	1	Hai	3	4	Trương anh Thuận	
3	3201442	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	13-08 13-23	2	2	0	Sáu	1	2	Đinh Xuân Lâm	
4	3180222	Hồ Chí Minh với cách mạng VN (từ năm 1918 đến năm 1945)	13-23	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Mạnh Hồng	
5	3180612	Quan hệ kinh tế thế giới thời hiện đại	13-23	2	2	0	Tư	1	2	Lưu Trang	

T T	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB			Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	T. Đầu	T. Cuối		
6	3180662	Sự kết hợp độc lập dân tộc và CNXH trong LSVN hiện đại (từ 1945 đến nay)	13-23	2	2	0	Bảy	3	4	Nguyễn Mạnh Hồng	
7	3180923	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam	13-23	2	2	0	Sáu	3	4	Trương anh Thuận	
8	3180972	Một số vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam	13-23	2	2	0	Năm	1	2	Nguyễn Mạnh Hồng	
9	3180983	Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông	13-23	2	2	0	Năm	3	4	Trương Trung Phương	
10	3181232	Kinh tế hàng hoá và đô thị Việt Nam trước năm 1945	13-23	2	2	0	Hai	1	2	Nguyễn Xuyên	
11	3210912	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	13-23	2	2	0	Ba	1	2	Đàm Văn Thọ	
Nhóm 13-24											
1	3172782	Văn hoá âm thực Việt Nam	13-24	2	2	0	Năm	3	4	Tăng Chánh Tín	
2	3181192	Văn hoá Chăm-pa	13-24	2	2	0	Tư	3	4	Trần Thị Mai An	
3	3191522	Quy hoạch du lịch	13-24	2	2	0	Sáu	1	2	Nguyễn Thanh Tường	
4	3191862	Du lịch sinh thái	13-24	2	2	0	Năm	1	2	Nguyễn Thanh Tường	
5	3161262	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	13-24	2	2	0	Sáu	3	4	Nguyễn Thị Lệ Quyền	
6	3171163	Phương ngữ học	13-24	2	2	0	Bảy	1	2	Nguyễn Trí Tân	
7	3172672	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	13-24	2	2	0	Hai	7	8	Phạm Thị Thu Hương	
8	3181142	Lịch sử tư tưởng phương Đông	13-24	2	2	0	Tư	1	2	Lê Thị Thu Hiền	
9	3190392	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	13-24	2	2	0	Hai	3	4	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	
10	3220902	Lịch sử mỹ thuật thế giới	13-24	2	2	0	Hai	1	2	Đàm Văn Thọ	
11	3220912	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	13-24	2	2	0	Ba	3	4	Đàm Văn Thọ	
Nhóm 13-26											
1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-26	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3191053	Tổ chức dạy học địa lý theo hướng tích cực	13-26	2	2	0	Sáu	1	2	Đậu Thị Hòa	
3	3191713	Giáo dục môi trường & dân số trong nhà trường phổ thông	13-26	3	3	0	Tư	1	3	Đậu Thị Hòa	
4	3191783	Rèn luyện kỹ năng địa lý	13-26	2	2	0	Ba	3	4	Đậu Thị Hòa	
5	3201442	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	13-16 13-26	2	2	0	Hai	3	4	Đinh Xuân Lâm	
6	3190172	Dân số học và địa lí dân cư	13-26	2	2	0	Bảy	1	2	Đoàn Thị Thông	
7	3190342	Địa lý đô thị	13-26	2	2	0	Năm	3	4	Nguyễn Thanh Tường	
8	3190352	Địa lý du lịch Việt Nam	13-26	2	2	0	Sáu	3	4	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	
9	3190502	Địa lý nhân văn	13-26	2	2	0	Tư	4	5	Đoàn Thị Thông	
10	3191672	Đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên và nhân văn	13-26	3	3	0	Bảy	3	5	Hồ Phong	
11	3191733	Kỹ thuật dạy học địa lý	13-26	2	2	0	Hai	1	2	Đậu Thị Hòa	
Nhóm 13-28											
1	3152332	Đánh giá tác động môi trường	13-28	2	2	0	Hai	7	8	Võ Văn Minh	
2	3190843	Phương pháp xử lý chất thải môi trường	13-28	2	2	0	Tư	1	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	
3	3191483	Phân vùng cảnh quan và cảnh quan ứng dụng	13-28	2	2	0				Khoa Địa lý	
4	3191872	GIS trong quản lý tài nguyên môi trường	13-28	2	2	0	Hai	3	4	Lê Ngọc Hành	
5	3150062	Công nghệ môi trường	13-28	2	2	0	Bảy	1	2	Trần Minh Thảo (CDCN)	
6	3150652	Sinh thái học nông nghiệp	13-28	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Văn Nam	
7	3190342	Địa lý đô thị	13-28	2	2	0	Ba	3	4	Nguyễn Thanh Tường	
8	3190502	Địa lý nhân văn	13-28	2	2	0	Ba	1	2	Trương Phước Minh	
9	3190912	Tại biến thiên nhiên	13-28	2	2	0	Năm	1	2	Nguyễn Văn Nam	
10	3191123	Bản đồ địa chính	13-28	2	2	0	Năm	3	4	Lê Ngọc Hành	
11	3191143	Cơ sở tài nguyên và môi trường biển	13-28	2	2	0	Hai	1	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	
12	3191862	Du lịch sinh thái	13-28	2	2	0	Sáu	3	4	Nguyễn Thanh Tường ...	
Nhóm 13-29											
1	3181112	Kinh tế du lịch	13-29	2	2	0	Ba	1	2	Nguyễn Duy Phương	
2	3190023	Bản đồ chuyên đề du lịch	13-29	2	2	0	Sáu	3	4	Nguyễn Thị Diệu	
3	3190352	Địa lý du lịch Việt Nam	13-29	2	2	0	Bảy	3	4	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	

T T	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB			Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	T. Đầu	T. Cuối		
4	3201362	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	13-29	2	2	0	Bảy	1	2	Tô Thị Quyên	
5	3171652	<i>Tiếng Việt thực hành</i>	13-29	2	0	2	Năm	7	8	Hồ Trần Ngọc Oanh	
6	3172782	<i>Văn hoá ẩm thực Việt Nam</i>	13-29	2	2	0	Năm	3	4	Hoàng Thị Mai Sa	
7	3181182	<i>Tổng quan ngành lưu trú</i>	13-29	2	2	0	Tư	3	4	Lê Thị Thu Hiền	
8	3190172	<i>Dân số học và địa lí dân cư</i>	13-29	2	2	0	Sáu	1	2	Đoàn Thị Thông	
9	3190502	<i>Địa lý nhân văn</i>	13-29	2	2	0	Năm	1	2	Đoàn Thị Thông	
10	3191133	<i>BVMT du lịch và phát triển bền vững</i>	13-29	2	2	0	Ba	3	4	Trương Phước Minh	
11	3191672	<i>Đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên và nhân văn</i>	13-29	3	3	0	Hai	7	9	Hồ Phong	
12	3220912	<i>Lịch sử mỹ thuật Việt Nam</i>	13-29	2	2	0	Hai	3	4	Đàm Văn Thọ	
Nhóm 13-31											
1	3030072	Thực tập tốt nghiệp 2 (tại trường THPT)	13-31	2	0	2				Khoa Tâm lý - Giáo dục	
2	3200372	Tâm lý học du lịch	13-31	2	2	0	Sáu	1	2	Tô Thị Quyên	
3	3200582	Tâm lý học trẻ em phát triển trí tuệ	13-31	2	2	0	Sáu	3	4	Hồ Thị Thuý Hằng	
4	3201293	Thực hành tham vấn tâm lý	13-31	2	0	2	Tư	1	2	Nguyễn Thị Hằng Phương	
5	3201373	Nhập môn tâm lý trị liệu	13-31	2	2	0	Ba	1	2	Nguyễn Thị Hằng Phương	
6	3201893	Tâm lý học gia đình	13-31	3	3	0	Ba	3	5	Phạm Thị Mơ	
7	3201923	Tâm lý học tệ nạn xã hội	13-31	3	3	0	Hai	3	5	Lê Thị Phi	
8	3200163	<i>Các giá trị mới trong tâm lý học</i>	13-31	2	2	0	Năm	3	4	Lê Quang Sơn	
9	3200283	<i>Quản lý nhân sự</i>	13-31	3	3	0	Tư	3	5	Bùi Việt Phú	
10	3200523	<i>Tâm lý học sai biệt</i>	13-31	2	2	0	Hai	1	2	Bùi Thị Thanh Diệu	
11	3201253	<i>Lý luận dạy học</i>	13-31	2	2	0	Năm	1	2	Lê Thị Hằng	
Nhóm 13-32											
1	3201313	Kiểm huấn công tác xã hội	13-32	2	2	0	Bảy	1	2	Bùi Đình Tuấn	
2	3201773	Công tác xã hội với trẻ em	13-32	3	3	0	Hai	7	9	Lê Thị Lâm	
3	3201843	Giới và phát triển	13-32	3	3	0	Bảy	3	5	Lê Thị Duyên	
4	3201873	Quản trị ngành công tác xã hội	13-32	3	3	0	Sáu	3	5	Bùi Đình Tuấn	
5	3200763	<i>Công tác xã hội trong bệnh viện</i>	13-32	2	2	0	Sáu	1	2	Nguyễn Thị Hằng Phương	
6	3200813	<i>Công tác xã hội với các dân tộc thiểu số</i>	13-32	2	2	0	Ba	7	8	Lê Thị Lâm	
7	3200833	<i>Công tác xã hội với người cao tuổi</i>	13-32	2	2	0	Hai	3	4	Nguyễn Thị Nguyệt	
8	3201703	<i>Công tác xã hội trong trường hợp khẩn cấp</i>	13-32	2	2	0	Tư	3	4	Nguyễn Thị Hằng Phương	
9	3201783	<i>Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</i>	13-32	3	3	0	Năm	3	5	Lê Thị Hằng	
10	3201813	<i>Đô thị hóa và các vấn đề xã hội</i>	13-32	2	2	0	Ba	3	4	Nguyễn Thị Hằng Phương	
Nhóm 13-33											
1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-33	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3030052	Thực tập sư phạm 2 (tại trường THPTVT)	13-33	3	0	3				Khoa bố trí	
3	3201473	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo (bậc tiểu học)	13-33	2	2	0	Năm	4	5	Bùi Việt Phú	
4	3201803	Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học	13-33	2	2	0	Ba	1	2	Nguyễn Thị Nguyệt	
5	3161363	<i>Âm nhạc 2</i>	13-33	3	2	1	Sáu	1	3	Trương Quang Minh Đức	
6	3200663	Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp & Thực hành Công tác Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và Sao nhi đồng	13-33A	2	0	2	Tư	4	5	Dương Thị Thu Thủy	
7	3220333	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	13-33A	2	1	1	Sáu	4	5	Lê Hữu Chất	
8	3200192	<i>Phương pháp công tác Đội TNTPHCM</i>	13-33A	2	2	0	Hai	1	2	Nguyễn Tiến Dũng	
9	3220223	<i>Mỹ thuật 2</i>	13-33A	3	2	1	Tư	1	3	Đàm Văn Thọ	
10	3220853	<i>Chuyên đề Phương pháp dạy học toán ở tiểu học</i>	13-33A	3	2	1	Ba	3	5	Mã Thanh Thủy	
11	3200663	Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp & Thực hành Công tác Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và Sao nhi đồng	13-33B	2	0	2	Ba	3	4	Dương Thị Thu Thủy	

T T	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB			Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	T. Đầu	T. Cuối		
12	3220223	Mỹ thuật 2	13-33B	3	2	1	Năm	1	3	Đàm Văn Thọ	
13	3220333	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	13-33B	2	1	1	Sáu	7	8	Lê Hữu Chắt	
14	3200192	Phương pháp công tác Đội TNTPHCM	13-33B	2	2	0	Hai	3	4	Nguyễn Tiến Dũng	
15	3220853	Chuyên đề Phương pháp dạy học toán ở tiểu học	13-33B	3	2	1	Tư	1	3	Mã Thanh Thủy	

Nhóm 13-34

1	3030012	Kiến tập sư phạm	13-34	1	0	1				Khoa bố trí	
2	3030052	Thực tập sư phạm 2 (tại trường THSPVT)	13-34	3	0	3				Khoa bố trí	
3	3201463	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo (bậc mầm non)	13-34	2	2	0	Ba	1	2	Bùi Việt Phú	
4	3230393	Phương pháp giáo dục âm nhạc	13-34	3	2	1	Hai	3	5	Nguyễn Thị Châu	
5	3230403	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	13-34	3	2	1	Tư	1	3	Phan Thị Nga	
6	3200392	Tâm lý học gia đình	13-34	2	2	0	Hai	1	2	Phạm Thị Mơ	
7	3201433	Quản lý giáo dục mầm non	13-34	2	2	0	Sáu	1	2	Bùi Việt Phú	
8	3210533	Thể dục nhịp điệu dành cho trẻ mầm non	13-34	2	2	0	Sáu	3	4	Mai Thị Cẩm Nhung	
9	3230163	Kích thích tính sáng tạo của trẻ thông qua hoạt động cho trẻ làm quen với toán	13-34	2	2	0	Tư	4	5	Nguyễn Thị Triều Tiên	
10	3230523	Tạo hình nâng cao	13-34	2	1	1	Ba	3	4	Lê Thị Hoài Thương	
11	3230883	Đánh giá kết quả giáo dục mầm non	13-34	2	2	0	Năm	2	3	Bùi Việt Phú	

Ghi chú:

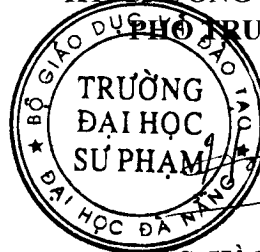
- Học kỳ 1 năm học 2016-2017 áp dụng thực học 15 tuần theo kế hoạch đào tạo, bắt đầu học từ ngày 15/08/2016.
- Buổi học chính: Khóa TS 2013, 2015 học buổi SÁNG, khóa TS 2014, 2016 học buổi CHIỀU; Các học phần in nghiêng là HP tự chọn.
- Thi giữa kỳ: từ 10/10/2016 đến 16/10/2016; riêng khóa TS 2016 kiểm tra giữa kỳ + học văn hóa từ ngày 31/10/2016 đến 06/11/2016.
- Thi kết thúc học phần:
 - * Khóa TS 2013: + Khối Cử nhân và 3 lớp đi TTVT (SP Vật lý, GD Tiểu học, GD Mầm non) thi từ ngày: 12/12/2016 đến 08/01/2017.
 - + Khối Sư phạm (trừ các lớp đi TTVT) thi từ ngày: 26/12/2016 đến 22/01/2017.
- * Khóa TS 2014 và 2015 thi từ ngày: 12/12/2016 đến 08/01/2017
- * Khóa TS 2016 thi từ ngày 19/12/2016 đến 08/01/2017
- Giờ thực hành, thí nghiệm do Khoa tự sắp xếp và thực hiện theo quy định của Nhà trường.
- Thời khóa biểu các học phần ngoại ngữ và GDTC sẽ có thông báo riêng
- Đối với các học phần thỉnh giảng, mời giảng: các Khoa lập tờ trình (kèm hồ sơ mời giảng theo quy định 2823/QĐ-ĐHĐN) gửi về phòng Đào tạo trước ngày 15/08/2016 để tổng hợp và trình Lãnh đạo Trường duyệt mới được thực hiện và thanh toán giờ giảng. Thời gian học các HP thỉnh giảng các khoa bố trí từ ngày 17/10 đến 30/10/2016.
- Nếu có điều chỉnh, bổ sung lịch dạy, các Khoa liên hệ Phòng Đào tạo trường ĐHSP trước ngày 10/05/2016 và có văn bản đề nghị gửi về Phòng Đào tạo. Số điện thoại 0905800804 (gặp đ/c Huỳnh Minh Tuyền).

Đà Nẵng, ngày 29/04/2016

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Hồ Thị Kim Loan